TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 171/2025/QĐST-LĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Vũ Linh

***Thư ký phiên họp*:** Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp*:** Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 258/2025/TLST-VLĐ ngày 26 tháng 8 năm 2025 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 71/2025/QĐST-LĐ ngày 05 tháng 9 năm 2025, những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Ông Võ Trọng Q, sinh năm: 1985; địa chỉ: Xóm E, xã N, tỉnh Nghệ An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty cổ phần P; địa chỉ: Đường số B, Khu công nghiệp S, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

2. Bảo hiểm xã hội cơ sở Dĩ An - Thành phố H; địa chỉ: Đường T, khu T, khu phố N, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền anh Dương Văn T, sinh năm 1988, địa chỉ: Đường T, khu T, khu phố N, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 03/9/2025) vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết ông Võ Trọng Q trình bày:

Vào năm 2011, ông Q từng làm mất giấy tờ tùy thân. Từ tháng 8/2011 đến tháng 01/2012, có người sử dụng thông tin của ông Q để ký kết hợp đồng lao động với công ty P, được công ty tham gia bảo hiểm xã hội số 7411237094. Đồng thời gian này ông Q giao kết hợp đồng lao động tại công ty trách nhiệm hữu hạn E từ

tháng 08/2011 đến tháng 12/2011 và công ty C từ tháng 12/2011 đền tháng 03/2013 và được công ty tham gia bảo hiểm số 7511130923.

Nay ông Q yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên hợp đồng lao động giữa Võ Trọng Q và công ty cổ phần P vô hiệu.

- *Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương, anh Dương Văn T trình bày*:

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của công ty cổ phần P1 cho người lao động thì công ty có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho ông Võ Trọng Q sinh năm 1985 số CCCD 040085022622, với mã số BHXH 7411237094 có quá trình tham gia BHXH từ tháng 08/2011 đến tháng 01/2012 đã chốt sổ và chưa nhận trợ cấp BHXH một lần.

Qua kiểm tra dữ liệu, ông Võ Trọng Q còn có mã số BHXH 7511130923 có quá trình tham gia BHXH từ tháng 12/2011 đến tháng 03/2013 tại Công ty cổ phần C1. VN - Chi nhánh kinh doanh heo giống.

Về đề nghị yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa ông Võ Trọng Q và công ty cổ phần P1, đề nghị Tòa án Nhân dân thành phố Căn cứ theo Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Nghị định số 145/2020/NĐ-CP quy định về việc xử lý hợp đồng lao động vô hiệu để tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của Ông Võ Trọng Q, BHXH không có lưu trữ những hồ sơ này.

- *Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị*: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của ông Võ Trọng Q là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu ông Võ Trọng Q, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở D – Bảo hiểm xã hội Thành phố H vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt, công ty cổ phần P1 đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu của đương sự: Quá trình tố tụng, các đương sự khai thống nhất trong thời gian từ tháng 8/2011 đến tháng 01/2012, người khác có lấy thông tin cá nhân của ông Võ Trọng Q để ký hợp đồng lao động với công ty cổ phần P1 và được công ty T1, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7411237094. Đối với ông Võ Trọng Q trong thời gian này đang công ty trách nhiệm hữu hạn E từ tháng 08/2011 đến tháng 12/2011 và công ty C chi nhánh kinh doanh heo giống từ tháng 12/2011 đền tháng 03/2013 và được công ty tham gia bảo hiểm số 7511130923. Trình bày của các đương phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội thể hiện trong thời gian từ tháng 12/2011 đến tháng 03/2013 ông Q có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại công ty cổ phần C chi nhánh kinh doanh heo giống.

Xét thấy, việc người khác lấy thông tin cá nhân của ông Võ Trọng Q để giao kết hợp đồng lao động là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động. Do đó, việc ông Q yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa ông Võ Trọng Q và công ty cổ phần P1 là vô hiệu là có căn cứ theo quy định tại Điều 127, 132 Bộ luật Dân sự năm 2005. Quá trình làm việc bảo hiểm xã hội cơ sở D - Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện, ông Q bị trùng thời gian đóng bảo hiểm từ tháng 8/2011 đến tháng 01/2012. Do đó, ông Q yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa ông Võ Trọng Q và công ty cổ phần P là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[4] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về lệ phí: Ông Võ Trọng Q phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39; Điều 146; Điều 149; Điều 361; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 136, 142 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Căn cứ các Điều 9, Điều 30 của Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm năm 2002, năm 2006, năm 2007);

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của ông Võ Trọng Q.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Võ Trọng Q và công ty cổ phần P1 (theo sổ bảo hiểm xã hội số 7411237094) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 7411237094 không phải là ông Võ Trọng Q, sinh năm 1985, giới tính: Nam, quốc tịch: Việt Nam, căn cước công dân số: 040085022622. Ông Võ Trọng Q được quyền liên hệ với C2 có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã

số 7411237094.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Ông Võ Trọng Q phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0010218 ngày 20/8/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Lưu./.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Vũ Linh